

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2013/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*Danh mục kèm theo*).

Trong quá trình thực hiện, nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ nội dung các thủ tục hành chính đã quy định trong Quyết định này, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát, báo cáo UBND cấp huyện để phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế phần danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tại Quyết định số: 1565/2007/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết công việc của tổ chức, công dân tại các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành, thị; UBND xã, phường, thị trấn.**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL, Cục KSTTHC);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp;
- CVP, PCVPTH;
- TTCB và TH, NCTH;
- Lưu: VT, KSTTHC, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Chu Ngọc Anh**

**BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ
MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 12 /2013/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 6 năm 2013

của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

PHẦN I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.	
1	Chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đối với trường hợp nộp hồ sơ tại UBND xã).	9
2	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hai hộ gia đình, cá nhân.	12
3	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây(trường hợp nộp hồ sơ tại UBND xã).	14
4	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (trường hợp nộp hồ sơ tại UBND xã).	19
5	Xác nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	23
6	Cấp giấy chứng nhận trong trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất.	29
7	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (trường hợp nộp hồ sơ tại UBND xã).	33
8	Xác nhận đơn xin cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do bị mất.	35
9	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác.	39
10	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.	44
11	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng.	49
12	Cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.	55
13	Tra cứu thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính.	60
14	Xác nhận đơn yêu cầu sửa chữa sai sót trong nội dung đăng ký thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất.	62

15	Chấp thuận cho san gạt mặt bằng, hạ cốt nền đất ở.	64
LĨNH VỰC XÂY DỰNG.		
16	Cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa nhà đối với nhà ở ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.	65
17	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với nhà ở nông thôn.	69
18	Cấp giấy phép xây dựng tạm đối với nhà ở nông thôn.	70
19	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với nhà ở nông thôn.	74
LĨNH VỰC NỘI VỤ.		
20	Đề nghị khen thưởng thường xuyên (<i>Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã</i>) về thực hiện nhiệm vụ chính trị năm.	75
21	Khen thưởng thành tích theo chuyên đề.	76
22	Khen thưởng thành tích đột xuất (dùng cho khen thưởng đột xuất).	77
23	Tiếp nhận thông báo tổ chức lễ hội tín ngưỡng không thuộc quy định tại khoản 1 điều 4 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ.	78
24	Đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở.	79
25	Tiếp nhận thông báo việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình tôn giáo mà không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực công trình.	81
26	Đăng ký người vào tu.	82
27	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.	84
28	Đăng ký sinh hoạt điểm nhóm Tin lành.	85
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.		
29	Đăng ký hoạt động Thư viện của tổ chức cấp xã.	88
30	Đăng ký hoạt động Thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản (Thư viện tư nhân).	94
31	Công nhận và giải thể Câu lạc bộ thể thao cơ sở.	98
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.		
32	Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục.	99
33	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục.	101
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI.		

34	Giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho đối tượng Bảo trợ xã hội: Trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi; người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ; người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần; người nhiễm HIV-AIDS không còn khả năng lao động thuộc hộ gia đình nghèo; người đơn thân nuôi con thuộc diện hộ nghèo.	103
35	Giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi.	107
36	Giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần.	112
37	Giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ phụng dưỡng và quyền phụng dưỡng hoặc có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng những người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng; Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng.	113
38	Giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng	117
39	Xác nhận đối tượng học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo.	122
40	Xác nhận đơn đề nghị di chuyển hồ sơ trợ cấp bảo trợ xã hội.	123
41	Tiếp nhận, lập danh sách đề nghị cấp bổ sung thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo.	124
42	Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo.	128
43	Đề nghị cắt trợ cấp hàng tháng đối tượng bảo trợ xã hội.	132
44	Hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội bị chết.	133
45	Đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp đột xuất.	135
46	Cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người có công.	136
47	Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi (trợ cấp một lần) đối với Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày.	138
48	Lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi (trợ cấp một lần) người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc.	140
49	Lập hồ sơ thực hiện chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với người có công với cách mạng từ trần.	142
50	Xác nhận liệt sỹ đối với thương binh chết do vết thương tái phát.	144

51	Xác nhận liệt sỹ đối với liệt sỹ dân chính hy sinh trước ngày 01/10/2005.	146
52	Đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công.	148
53	Đề nghị cấp sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo.	149
54	Đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí cho cựu chiến binh.	151
55	Thực hiện chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến.	155
56	Đề nghị giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995.	156
57	Đề nghị giải quyết chế độ cho người có công với Cách mạng từ trần.	159
58	Giải quyết trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng.	161
59	Cấp Giấy chứng nhận tình hình thân nhân gia đình liệt sỹ.	163
60	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công giúp đỡ cách mạng.	164
61	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học.	166
62	Đề nghị hưởng mai táng phí của thân nhân liệt sỹ từ trần.	169
63	Đề nghị trợ cấp ưu đãi cho thân nhân liệt sỹ, thân nhân lão thành Cách mạng, con thương binh (qua đời), bệnh binh (qua đời).	171
64	Đề nghị cấp giấy giới thiệu thăm viếng hoặc di chuyển mộ liệt sỹ.	172
65	Đề nghị hỗ trợ tiền đi thăm viếng, di rời hài cốt liệt sỹ.	173
66	Giải quyết chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước.	174
67	Giải quyết trợ cấp một lần cho người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc.	179
68	Xác nhận vào đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh.	181
69	Xác nhận về thời gian hoạt động của người làm chứng cho người hoạt động kháng chiến.	182
70	Cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi.	184
71	Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi.	185

72	Đổi thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi.	186
73	Hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào Trung tâm giáo dục - lao động xã hội.	188
LĨNH VỰC TƯ PHÁP.		
74	Đăng ký nuôi con nuôi.	190
75	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi.	201
76	Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế.	205
77	Đăng ký kết hôn.	209
78	Xác định tình trạng hôn nhân.	212
79	Đăng ký lại việc kết hôn.	215
80	Đăng ký khai sinh.	219
81	Đăng ký lại việc sinh.	223
82	Đăng ký khai sinh quá hạn.	227
83	Đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú.	229
84	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con.	230
85	Đăng ký việc giám hộ.	238
86	Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.	242
87	Đăng ký chấm dứt, thay đổi việc giám hộ.	243
88	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài được đưa về Việt Nam sinh sống, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài.	247
89	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch (đối với người dưới 14 tuổi), bổ sung hộ tịch.	248
90	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch.	252
91	Điều chỉnh nội dung trong sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác (không phải sổ đăng ký khai sinh và bản chính giấy khai sinh).	253
92	Xác nhận sơ yếu lý lịch tự thuật.	257
93	Xác nhận hồ sơ xin việc và các loại hồ sơ cá nhân liên quan đến hộ tịch.	258
94	Xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính.	259
95	Đăng ký khai tử.	262
96	Đăng ký khai tử quá hạn.	263

97	Đăng ký lại việc khai tử.	264
98	Chứng thực bản sao từ bản chính.	267
99	Chứng thực biên bản họp gia đình về việc thỏa thuận phân chia di sản.	268
100	Chứng thực chữ ký của công dân Việt Nam trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch dân sự ở trong nước.	269
101	Chứng thực di chúc.	270
102	Chứng thực giấy ủy quyền.	272
103	Chứng thực hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ, cho thuê nhà ở.	276
104	Chứng thực hợp đồng đổi nhà.	278
105	Chứng thực hợp đồng mua, bán nhà.	280
106	Chứng thực hợp đồng mua, bán tài sản gắn liền với đất (không phải là nhà ở).	282
107	Chứng thực hợp đồng tặng, cho nhà chung cư.	288
108	Chứng thực hợp đồng ủy quyền.	294
109	Chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế.	298
110	Chứng thực văn bản thỏa thuận cử người đại diện ghi tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất mà có nhiều người được thừa kế theo pháp luật nhưng khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa xác định được đầy đủ những người đó.	302
111	Chứng thực văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế.	304
112	Chứng thực hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất.	308
113	Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất.	321
114	Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; bằng quyền sử dụng đất; bằng tài sản gắn liền với đất.	342
115	Chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.	359
116	Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.	366
117	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.	377
118	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.	380
119	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại do hết thời hạn hiệu lực.	383

120	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	386
-----	--	-----

(Án định trong Danh mục này 120 thủ tục hành chính)

